

Bản án số: 66/2019/HS-PT

Ngày: 20 - 02 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình

Ông Nguyễn Duy Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2019/HSPT ngày 09/01/2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn H1, Trương Công Đ, về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị H; sinh năm 1966; tại tỉnh Bình Định;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Có chồng là Trần Tấn A và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995;

Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/8/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “*Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*”, ngày 25/10/2007 được đặc xá trở về địa phương sinh sống và đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn H1; sinh năm 1977; tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đường H, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Lê Thị D; Có vợ là Lê Thị O và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Công Đ; sinh năm 1976; tại tỉnh Thái Bình;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công O và bà Nguyễn Thị Y; Có vợ là Lưu Thị H và 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lưu Thị H - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Trần Thị T - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/7/2017, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) đến nhà của Trần Văn H1 để hỏi mua thuốc nổ, H1 nhận lời và nói khi nào có thuốc nổ thì H1 sẽ báo lại. Chiều ngày 22/7/2018, H1 gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H để hỏi mua thuốc nổ. Do chưa có thuốc nổ nên H đã gọi điện thoại cho người đàn ông tên là T (không rõ lai lịch là người quen biết của H) để hỏi mua thuốc nổ. H được T cho biết là có bán thuốc nổ với giá là 750.000đ/kg. Đến chiều ngày 23/7/2018, sau khi thỏa thuận với T về giá thuốc nổ thì H gọi điện thoại báo cho H1 biết giá thuốc nổ là 850.000đ/kg. H1 đồng ý và đặt mua của Nguyễn Thị H 07 kg thuốc nổ. Khi biết được giá thuốc nổ thì H1 điện thoại cho người đàn ông đã hỏi mua thuốc nổ ngày

08/7/2018 để báo giá là 1.000.000đ/kg thuốc nổ, người đàn ông này đồng ý và đặt mua của H1 05kg thuốc nổ.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/7/2018, H1 và người đàn ông đặt mua thuốc nổ hẹn gặp nhau để mua, bán thuốc nổ tại thị trấn C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Khi gặp, người đàn ông này đưa cho H1 5.000.000đ để đi mua thuốc nổ. H1 đã gọi điện thoại cho H, thì H và H1 thỏa thuận địa điểm mua, bán thuốc nổ là tại khu vực T (thuộc thị trấn C, huyện M). Sau đó, H1 gọi điện thoại cho Đ (là người quen của H1) rủ cùng đi mua thuốc nổ về bán lại cho người khác thì Đ đồng ý. Sau đó, H1 cùng người mua thuốc nổ đến nhà của Đ và Đ sử dụng xe máy của mình biển kiểm soát 47L1 - 0364 chở H1 đi mua thuốc nổ. Cùng thời gian này, H cũng liên lạc với người tên T để đặt mua 07kg thuốc nổ và hẹn giao nhận thuốc nổ tại khu vực T (thuộc thị trấn C, huyện M) đồng thời H cũng điện thoại hẹn với H1 đến điểm hẹn trên để mua bán thuốc nổ.

Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực T (thuộc thị trấn C, huyện M) H đã mua 07kg thuốc nổ của người tên T (T bỏ sẵn vào 02 túi ni lông, 01 túi 05kg và 01 túi 02kg). H1 chỉ mua 05 kg thuốc nổ và trả cho H số tiền là 4.200.000đ. H đã bớt cho H1 50.000đ theo giá đã thỏa thuận. Sau đó, H lấy số tiền đã bán thuốc nổ cho H1 và thêm số tiền 1.000.000đ để trả cho người tên T tổng cộng là 5.200.000đ. Người tên T đã bớt cho H 50.000đ. Sau đó, H đem 02 kg thuốc nổ mua được của người tên T mang về nhà mình để cất giấu. Sau khi mua bán xong, H1 và Đ đã đem số thuốc nổ vừa mua được về nhà của Đ và Đ đã cất giấu số thuốc nổ này vào tủ bếp của gia đình mình. Sau đó, bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ được 05kg thuốc nổ và được niêm phong theo quy định.

Khi H về đến nhà của mình chưa kịp cất giấu 02kg thuốc nổ thì nhận được điện thoại của H1 với nội dung là muốn mua thêm 02 kg thuốc nổ. H và H1 thỏa thuận với nhau sẽ giao, nhận thuốc nổ tại khu vực cầu X, xã E, huyện M (địa điểm này gần nhà của H). Sau đó, H1 lại đổi ý nên không đến địa điểm thỏa thuận với H để mua thuốc nổ. Khi H đem 02 kg thuốc nổ như đã thỏa thuận với H1 đến điểm đã hẹn để bán cho H1 thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang khi đang vận chuyển 02 kg thuốc nổ trên xe máy mang biển kiểm soát 47H1 - 177.51 và được niêm phong theo quy định.

Tại các bản kết luận giám định số 3099/C54B và số 3098/C54B ngày 25/7/2018 của Phân viện kỹ thuật hình sự, tại Tp. Hồ Chí Minh của Tổng cục Cảnh sát kết luận: Chất rắn màu xám được gửi giám định là thuốc nổ Tritonal. Thành phần chính gồm: Thuốc nổ TNT (Trinitrotoluen) và Aluminum (bột nhôm). Thuốc nổ Tritonal là thuốc nổ quân sự thường được nhồi trong bom, mìn, đạn pháo, đạn cối, thủy lôi...

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1870/KL- HDDG ngày 22/8/2018 của Hội đồng định giá kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Angel màu xanh biển kiểm soát 47L1 0364, số máy VMEVA2137874, số khung XA10CD5D137874 có giá trị 1.500.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 21/11/2018, của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn H1, Trương Công Đ phạm tội: “Mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018.

- Xử phạt bị cáo Trương Công Đ 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2018, các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn H1, Trương Công Đ có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 năm tù, bị cáo Trần Văn H1 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Trương Công Đ 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm đã áp dụng đủ, đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào mới. Riêng đối với bị cáo Đ có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm

tội lần đầu, ít nghiêm trọng, đề nghị cho hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Công Đ xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận gì chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 23/7/2018, tại khu vực T (thuộc thị trấn C, huyện M) H đã mua 07kg thuốc nổ của người tên T (T bỏ sẵn vào 02 túi ni lông, 01 túi 05kg và 01 túi 02kg) sau đó bán cho H1 chỉ mua 05 kg thuốc nổ và trả cho H số tiền là 4.200.000đ. Sau đó, H lấy số tiền đã bán thuốc nổ cho H1 và thêm số tiền 1.000.000đ để trả cho người tên T tổng cộng là 5.200.000đ. H đem 02 kg thuốc nổ mua được của người tên T mang về nhà mình để cất giấu. Sau khi mua bán xong, H1 và Đ đã đem số thuốc nổ vừa mua được về nhà của Đ và Đ đã cất giấu số thuốc nổ này vào tủ bếp của gia đình mình. Sau đó, bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ được 05kg thuốc nổ và được niêm phong theo quy định.

Khi H về đến nhà của mình chưa kịp cất giấu 02kg thuốc nổ thì nhận được điện thoại của H1 với nội dung là muốn mua thêm 02 kg thuốc nổ. H và H1 thỏa thuận với nhau sẽ giao, nhận thuốc nổ tại khu vực cầu X, xã E, huyện M (địa điểm này gần nhà của H). Sau đó, H1 lại đổi ý nên không đến địa điểm thỏa thuận với H để mua thuốc nổ. Khi H đem 02 kg thuốc nổ như đã thỏa thuận với H1 đến điểm đã hẹn để bán cho H1 thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang khi đang vận chuyển 02 kg thuốc nổ trên xe máy mang biển kiểm soát 47H1 - 177.51 và được niêm phong theo quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "*Mua bán trái phép vật liệu nổ*" theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt các bị cáo Nguyễn Thị H 02 năm tù, bị cáo Trần Văn H1 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã áp dụng đầy đủ các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo H, H1 mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Đối với bị cáo Trương Công Đ: Xét mức án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là thỏa đáng, tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, vai trò tham gia vụ án của bị cáo là người giúp sức, thứ yếu nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục, vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Trương Công Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn H1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Công Đ - Sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 02 (Hai) năm tù**, về tội "*Mua bán trái phép vật liệu nổ*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội "*Mua bán trái phép vật liệu nổ*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 01/8/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Công Đ 01 (Một) năm tù**, về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Công Đ cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện M giám sát, giáo dục; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện M theo dõi, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trương Công Đ theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10 ngày 30/7/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí: Mỗi bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Văn H1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trương Công Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M;
- T.H.A.HS Công an huyện M;
- UBND xã E, huyện M;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung